

# **SINH VIÊN NGOẠI NGỮ: NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ NÂNG CAO CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

*Tạ Thị Thanh Tâm\**

Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu khách quan xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và mở rộng giao lưu quốc tế của đất nước. Quá trình hội nhập quốc tế diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn hóa-giáo dục. Trong quá trình đó, sinh viên ngành ngoại ngữ nói chung và Trường Đại học Hà Nội nói riêng, có thể đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ, bảo vệ và nâng cao giá trị văn hóa dân tộc. Để thế hệ trẻ hoàn thành sứ mạng của một đại sứ văn hóa, các nhà giáo cần áp dụng những phương thức giảng dạy nào? Trong bài viết này, từ thực tế nghiên cứu vai trò của sinh viên Trường Đại học Hà Nội, chúng tôi sẽ trả lời câu hỏi đó và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**Từ khóa:** bản sắc văn hóa dân tộc; hội nhập quốc tế.

*International integration is an inevitable trend as a result of a nation's need for socio-economic development and international exchange. The international integration process takes place in all aspects of life, including education and culture. In this process, learners of foreign languages in general and Hanoi University students in particular can play a crucial role in preserving and fostering national cultural values. In order for the youth to fulfil the mission of a cultural ambassador, which teaching methods do teachers have to adopt? This paper provides an answer to this question on the basis of a study on the role of Hanoi University students. It then proposes some recommendations for raising the awareness of students' responsibilities in preserving and fostering national cultural identity.*

**Keywords:** national cultural identity, international integration.

## **Đặt vấn đề**

Trong bất kỳ giai đoạn nào, thanh niên, sinh viên cũng là lực lượng xã hội cơ bản giữ gìn, bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, lực lượng sinh viên ngoại ngữ, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ này vì nhiều lý do. Sinh viên chuyên ngành ngoại

ngữ nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hóa của các nước và ứng dụng trong đời sống hàng ngày ở tất cả các lĩnh vực. Nếu quá trình tiếp thu, tiếp nhận văn hóa bị lệch lạc, không phù hợp có thể dẫn đến hệ quả: sùng ngoại, xem nhẹ văn hóa dân tộc, mất định hướng về giá trị, đạo đức truyền thống. Chẳng hạn, truyền thống “tôn sư trọng đạo” trong văn hóa Việt không đơn thuần là hành vi ứng xử mà còn là một phạm trù đạo đức. Tiếp nhận tính dân chủ trong giáo dục của văn hóa phương Tây nhưng phải gìn giữ sự tôn kính của đạo

\* ThS., Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Hà Nội

Email: thanhhtamt20@gmail.com

“trò” với “thầy”. Do đó, định hướng cho sinh viên ngoại ngữ trong việc bảo vệ, lan tỏa và nâng cao các giá trị văn hóa riêng, độc đáo, mang đặc trưng của dân tộc, đưa văn hóa trở thành động lực của sự phát triển là nhiệm vụ cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu về văn hóa và văn hóa Việt trong bối cảnh hội nhập quốc tế luôn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước. Trong công trình: “Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới”, công bố năm 2014 Tạ Ngọc Tấn và các cộng sự cho rằng: I) Mở cửa, hội nhập và môi trường mạng toàn cầu làm gia tăng sự ảnh hưởng lẫn nhau, chia sẻ với nhau giữa các nền văn hóa. II) Quá trình mở cửa làm xuất hiện một khái niệm mới; đó là hội nhập quốc tế được coi là một giá trị văn hóa mới, thậm chí là một giá trị “văn hóa cốt lõi” của nhân loại và của mỗi quốc gia. III) Tính tất yếu của hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa buộc các quốc gia phải lựa chọn cho mình một thái độ ứng xử, một chính sách phát triển về văn hóa để đạt tới mục tiêu phát triển chung”. IV) Sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa có thể dẫn đến “sự xung đột giữa các nền văn minh” và là “nhân tố chủ đạo của chính trị thế giới”. Một số tác giả khác cũng chia sẻ ý kiến trên: Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến trong “Góp phần nhận thức thế giới đương đại” xuất bản năm 2003. Các nhà nghiên cứu đều khẳng định: Trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, hội nhập văn hóa là một tất yếu khách quan. Mặt khác, bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa trong sự tác động đa chiều của toàn cầu hóa về văn hóa là nhiệm vụ của toàn xã hội.

Về phát huy vai trò của thanh niên, sinh viên trong giai đoạn hiện nay, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25-7-2008 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ mới nêu rõ:

“Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước”[4].

Ở cấp độ quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các trường đại học thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, nghiên cứu tài liệu cho thấy các cơ quan quản lý giáo dục chưa ban hành một văn bản chính thức nào về việc phát huy vai trò của sinh viên ngoại ngữ trong giữ gìn, phát huy và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu tính đặc thù, thực trạng giảng dạy các môn văn hóa học và văn hóa Việt Nam của sinh viên ngoại ngữ thông qua việc khảo cứu việc giảng dạy các môn liên quan đến văn hóa học và văn hóa Việt Nam ở Trường Đại học Hà Nội (từ đây gọi là Hanu) – ngôi trường giảng dạy ngoại ngữ hàng đầu cả nước với lịch sử hơn 60 năm. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của sinh viên ngoại ngữ trong giữ gìn và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc

trong thời kỳ hội nhập. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn - dựa vào kinh nghiệm giảng dạy, vào quan sát ứng xử của sinh viên ngoại ngữ trong lĩnh vực văn hóa và thực hiện phỏng vấn sâu một số sinh viên Hanu cũng như một số giảng viên giảng dạy trực tiếp các môn học này ở Hanu.

### **1. Tổng quan lý thuyết về văn hóa và văn hóa dân tộc**

Văn hóa học là một ngành khoa học bao quát một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn, phụ thuộc vào đối tượng và mục tiêu nghiên cứu. Về mặt thuật ngữ khoa học, “Văn hóa” bắt nguồn từ tiếng Latinh “Cultus” mà nghĩa gốc là “giao trồng”, thường được dùng theo hai nghĩa là “giao trồng trên ruộng đất” (Cultus Agri) và “giao trồng tinh thần” (Cultus Animi). Ở nghĩa thứ hai đồng nghĩa với “giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn con người”.

Hệ thống lý thuyết về văn hóa là vô cùng phong phú, với nhiều trường phái và học thuyết khác nhau.

Chủ nghĩa Mác – Lênin nghiên cứu văn hóa dưới góc độ chính trị xã hội cho rằng:

“Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người và loài người sáng tạo ra nhờ lao động và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình. Văn hóa biểu hiện trình độ phát triển mà xã hội đạt được trong từng giai đoạn lịch sử nhất định” [1].

Như vậy, văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm có văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Trong đó, văn hóa vật chất được hiểu là năng lực sáng tạo của con người được thể hiện và kết tinh trong các sản phẩm vật chất. Văn hóa tinh thần là

tổng thể các tư tưởng, lý luận và giá trị được sáng tạo trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đưa ra khái niệm văn hóa, phương thức hình thành, xây dựng nền văn hóa như sau:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu và đòi hỏi của sự sinh tồn” [5].

Theo đó, Hồ Chí Minh xem xét văn hóa trên hai mặt: Theo nghĩa hẹp, là sự sáng tạo ra ngôn ngữ, đạo đức, lối sống, giáo dục, khoa học, pháp luật, tôn giáo, văn học, nghệ thuật,... Theo nghĩa rộng, văn hóa là toàn bộ những sáng tạo vật chất và sáng tạo tinh thần của con người.

Khái niệm văn hóa của UNESCO cũng được nhiều nhà nghiên cứu nhắc đến, khái niệm này nhấn mạnh bản chất sáng tạo của hoạt động văn hóa gắn liền với tiến trình lịch sử của mỗi cộng đồng, có tính nhân văn phổ quát, đồng thời mang tính đặc thù của mỗi dân tộc, khi cho rằng:

“Văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc” [9].

Các nhà nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam đương đại cũng đưa ra nhiều định nghĩa về văn hóa. Định nghĩa của Trần Ngọc Thêm được nhiều người quan tâm: “Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội [8]”.

Tựu chung lại, theo chúng tôi, *văn hóa* được hiểu là một *hệ thống* những *giá trị* vật chất và tinh thần do *con người* sáng tạo ra bằng lao động và hoạt động thực tiễn được *tích lũy trong quá trình lịch sử* của mình. Văn hóa tạo ra sự khác biệt giữa các quốc gia, vùng miền, cá nhân. Văn hóa biểu hiện sự phát triển của con người và xã hội loài người trong từng giai đoạn lịch sử.

Từ khái niệm văn hóa cơ bản nêu trên, chúng tôi cho rằng *văn hóa dân tộc Việt Nam* là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Xét về bản chất, văn hóa dân tộc Việt thể hiện tinh thần, cốt cách, bản lĩnh của dân tộc Việt, là những nét riêng, độc đáo của dân tộc Việt so với các dân tộc khác. Văn hóa dân tộc thể hiện qua tư duy, lối sống, ngôn ngữ, kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian, trang phục, phong tục tập quán, lễ nghi, kiến trúc...

Trong giai đoạn hiện nay, toàn cầu hóa về văn hóa là xu thế khách quan, không thể đảo ngược. Bên cạnh yếu tố tích cực, toàn cầu hóa về văn hóa đã thách thức văn hóa dân tộc và cả sự ổn định về xã hội. Trước tiến trình toàn cầu hóa về văn hóa hiện có ba cách ứng xử. *Thứ nhất*, cự tuyệt toàn cầu hóa văn hóa nhằm bảo vệ văn hóa dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Đây là cách ứng xử cực đoan, bảo thủ, gây ra sự trì trệ cho phát triển đất nước. *Thứ hai*, mở cửa hoàn toàn cho văn hóa toàn cầu xâm nhập. Hậu quả là văn hóa dân tộc bị đồng hóa, hòa tan. *Thứ ba*, kết hợp hài hòa giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại [2]. Cách ứng xử thứ ba là thông minh và hợp lý bởi trong tiến trình hội nhập quốc tế, những phong tục, tập quán, thói quen không còn phù hợp với sự phát triển thì cần phải loại bỏ. Ngược lại, những giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc thì cần phải bảo vệ, nâng cao trong quá trình giao lưu văn hóa để trở thành động lực của sự phát triển xã hội. Ở Việt Nam, bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập trở thành trách nhiệm của mỗi cá nhân và xã hội, trong đó lực lượng sinh viên ngoại ngữ là một nhân tố quan trọng. Để khẳng định cho nhận định này, sau đây chúng tôi đề cập đến việc dạy học các môn văn hóa học trong thực tiễn.

## 2. Thực trạng việc giảng dạy các môn liên quan đến văn hóa học và văn hóa Việt Nam ở Trường Đại học Hà Nội

Trường Đại học Hà Nội với bề dày hơn 60 năm đào tạo ngoại ngữ hàng đầu của cả nước, từ 2003 đã trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, góp phần bồi dưỡng đội ngũ thanh niên sinh viên trí thức có đầy đủ tri thức, kỹ năng cần thiết, sẵn sàng gia nhập lực lượng lao động trong tương lai để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trường đào tạo 11 ngành ngoại ngữ; 10 chuyên ngành khoa học khác dạy và học hoàn toàn bằng ngoại ngữ; 6 trung tâm đào tạo và hợp tác quốc tế [10].

Các môn văn hóa học được dạy cho tất cả các đối tượng sinh viên nêu trên. Chương trình giảng dạy các môn này như sau.

*Nhóm kiến thức chung (10 tín chỉ)*, gồm các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những học phần này, liên quan tới văn hóa học và văn hóa Việt Nam, sinh viên được tìm hiểu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa, về tính tất yếu, nội dung, phương thức của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển văn hóa.

*Nhóm khối kiến thức cơ sở ngành (10 tín chỉ)*, gồm các môn: Dẫn luận Ngôn ngữ, Tiếng Việt, Văn hóa Việt Nam, Hà Nội học, Lịch sử văn minh thế giới. Nhóm học phần này cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên học ngành ngôn ngữ thấy được những biểu hiện của hệ giá trị Việt Nam truyền thống và những biến động của hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

*Nhóm khối kiến thức ngành (64 đến 65 tín chỉ tùy chuyên ngành)*. Nhóm này cung cấp cho sinh viên ngoại ngữ những kiến thức đa ngành về ngôn ngữ, văn hoá xã hội và văn học của đất nước mà sinh viên học ngôn ngữ. Chẳng hạn:

Sinh viên ngành ngôn ngữ Anh phải tích lũy 59 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn bao gồm các môn: Thực hành tiếng từ trình độ A2 đến C1; Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh; Từ vựng học tiếng Anh; Ngữ pháp tiếng Anh; Đất nước và văn hóa các nước nói tiếng Anh; Văn học các nước nói tiếng Anh; Phân tích diễn ngôn; Ngôn ngữ học xã hội; Dẫn luận Ngôn ngữ; Ngữ dụng học; Chuyên đề giao tiếp liên văn hoá; Chuyên đề văn học Mỹ [10].

Đối với ngành ngôn ngữ Trung Quốc, sinh viên được học 59 tín chỉ bắt buộc và 5 tín chỉ tự chọn bao gồm các môn: Thực hành tiếng từ trình độ 1A1 đến 2C1; Ngữ âm học tiếng Trung Quốc; Từ vựng học tiếng Trung Quốc; Từ pháp học tiếng Trung Quốc; Cú pháp học tiếng Trung Quốc; Đất nước học Trung Quốc; Lịch sử văn học Trung Quốc; Ngôn ngữ học đối chiếu; Tiếng Trung Quốc cổ đại; Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc; Trích giảng văn học Trung Quốc; Văn hóa dân gian Trung Quốc; Chuyên đề về văn hóa Trung Quốc; Giao tiếp liên văn hóa. [10]

Để phát huy thế mạnh về ngoại ngữ, Hanu đã ký thỏa thuận hợp tác với trên 70 trường đại học và tổ chức nước ngoài. Sinh viên của trường cũng được tiếp cận với trình độ quốc tế thông qua các chương trình đào tạo liên thông với nhiều trường đại học danh tiếng của hơn 20 quốc gia: Anh, Italia, Hoa Kỳ, Úc, Niu Di-lân, Canada, Bỉ, Nga, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia...

Kiến thức ngôn ngữ-văn hóa vững vàng, kỹ năng giao tiếp thành thạo, tự tin bằng ngoại ngữ, làm chủ công nghệ thông tin là những điểm mạnh để sinh viên Hanu sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động toàn cầu trong xu thế hội nhập. Phát huy những thế mạnh kể trên, mỗi sinh viên của Hanu đều có thể đóng vai trò của một “đại sứ” quảng bá cho hình ảnh của dân tộc Việt Nam ra nước ngoài cũng như trở thành một “Đại sứ văn hóa” trong quá trình hội nhập văn hóa. Sở dĩ họ được giao vai trò đó là vì những lý do sau.

*Thứ nhất*, với đặc thù dạy ngoại ngữ hoặc đào tạo các chuyên ngành bằng

ngoại ngữ, mỗi sinh viên Hanu thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trở lên. Nghiên cứu về ngôn ngữ là nghiên cứu về một nền văn hóa, bởi văn hóa được phản ánh và được chuyển tải bằng ngôn ngữ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, sinh viên của trường có điều kiện nghiên cứu, có hiểu biết về văn hóa của các nước trên thế giới; có điều kiện để so sánh các nền văn hóa. Việc so sánh có thể nâng cao ý thức để bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc, hoặc ngược lại.

*Thứ hai*, hàng năm Hanu chào đón hàng trăm lượt giáo sư, giảng viên, chuyên gia quốc tế đến thăm quan, trao đổi kinh nghiệm và trực tiếp giảng dạy và trao đổi học thuật. Sinh viên Hanu có môi trường để thực hành ngoại ngữ, trau dồi kiến thức, đặc biệt là kiến thức về văn hóa, phong tục tập quán từ các nền văn hóa khác nhau. Tính đặc thù này giúp sinh viên của trường có cơ hội vượt trội trong việc tiếp nhận những giá trị tinh túy nhất của nền văn hóa các nước, để ứng xử phù hợp trong xu thế hội nhập, đồng thời giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc đặc trưng đến bạn bè quốc tế.

*Thứ ba*, Hanu là môi trường đa văn hóa, có thể mạnh về hợp tác quốc tế, hội tụ nhiều sinh viên đến từ nhiều quốc gia trên thế giới. Sinh viên của trường được trực tiếp “va chạm” với văn hóa của các nước thông qua các hoạt động thực tiễn hàng ngày, tiếp biến phù hợp với văn hóa dân tộc. Từ đó, nâng cao giá trị văn hóa dân tộc trong chính bản thân mình và lan tỏa giá trị văn hóa ấy với bạn bè quốc tế. Chính môi trường đa văn hóa như mô tả trên đây sẽ góp phần hình thành tư cách “đại sứ văn hóa” của mỗi sinh viên Hanu trên chính đất nước mình.

*Thứ tư*, Hanu có ký thỏa thuận hợp tác với trên 70 trường đại học và tổ chức nước ngoài. Hàng năm, sinh viên có cơ hội nhận học bổng đi trao đổi, hợp tác trong học tập và nghiên cứu khoa học. Ở môi trường quốc tế, sinh viên Hanu, với trình độ về ngôn ngữ, kỹ năng của mình, tiếp nhận có sàng lọc những giá trị văn hóa phù hợp với văn hóa dân tộc, với thời đại, nhằm nâng cao các giá trị văn hóa của dân tộc trong quá trình hội nhập, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam: tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ thực trạng giảng dạy các môn liên quan đến văn hóa học và văn hóa Việt Nam ở Hanu cho thấy:

Về hoạt động dạy, sinh viên được nghiên cứu về sự phát triển và những thành tựu của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; thấy được tính đa dạng của văn hóa Việt Nam qua các vùng văn hóa; mô tả được một số thành tố của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại; xác lập được sự tương đồng và khác biệt trong quá trình tiếp biến văn hóa của văn hóa Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, sinh viên Hanu được nghiên cứu quan điểm, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Kiến thức về văn hóa học và văn hóa Việt Nam giúp sinh viên Hanu hình thành tư duy so sánh, đối chiếu giữa “văn hóa nguồn” và “văn hóa đích”, từ đó có thái độ ứng xử phù hợp với nền văn hóa đích; có ý thức trong việc bảo vệ, nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc. Ý thức về văn hóa dân tộc của sinh viên Hanu được bồi đắp thường xuyên trong sự so sánh và đối chiếu với

văn hóa đích khiến bản thân mỗi sinh viên Hanu đã là một “hiện thân” của văn hóa dân tộc. Với thời lượng chương trình học về các môn liên quan đến văn hóa học và văn hóa Việt Nam nêu trên được các giảng viên trực tiếp giảng dạy nhận xét là phù hợp. Tuy nhiên, hoạt động giảng dạy các môn liên quan đến văn hóa Việt Nam như môn Cơ sở văn hóa Việt Nam hay Hà Nội học chủ yếu thiên về lý thuyết mà chưa có nhiều các hoạt động thực hành, gắn lý thuyết với thực tiễn sinh động.

Đánh giá ưu điểm và hạn chế của sinh viên ngoại ngữ với vai trò là đại sứ văn hóa thông qua phỏng vấn sâu một số câu hỏi: Bạn thấy sinh viên ngoại ngữ nói chung và sinh viên Hanu nói riêng có lợi thế gì trong việc bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập? Nếu là một “đại sứ về văn hóa”, bạn có sẵn sàng giới thiệu văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế không? Bạn muốn giới thiệu gì đến bạn bè quốc tế? Mặt trái của quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập về văn hóa tác động như thế nào đến sinh viên Hanu? Kết quả phỏng vấn chúng tôi nhận được là:

(1). Với kiến thức về văn hóa học và văn hóa Việt Nam được trang bị kết hợp có lợi thế về ngôn ngữ; cơ hội tiếp cận, tần suất tiếp cận với bạn bè quốc tế nhiều; tư duy cởi mở khi được nghiên cứu, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa; mỗi sinh viên Hanu nói riêng, sinh viên ngoại ngữ nói chung sẽ đưa văn hóa Việt Nam đến bạn bè quốc tế một cách đúng đắn nhất chứ không phải dừng lại ở vài câu nói.

(2). Họ tự tin và sẵn sàng là một “đại sứ văn hóa” để giới thiệu, quảng bá về đẹp và những giá trị của văn hóa Việt Nam đến bạn bè thế giới khi có điều kiện. Chủ

đề họ thường nói là lịch sử, ẩm thực, tôn giáo, văn hóa ứng xử của người Việt. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy, nếu như trước đây, bạn bè quốc tế thường biết đến Việt Nam thông qua cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Mỹ thì nay, họ quan tâm nhiều hơn đến cách Chính phủ Việt Nam điều hành đất nước trong đại dịch Cô-vít. Từ đó, họ quan tâm và tìm hiểu về văn hóa cũng như con người Việt Nam.

(3). Quá trình nghiên cứu về văn hóa Việt và văn hóa các nước kết hợp với thực tiễn giao lưu văn hóa giúp sinh viên Hanu cũng nhận thấy có những điểm còn hạn chế của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập như tư duy duy tình với triết lý: “Một bồ cái lý không bằng một tý cái tình”; “Nhất thân nhì quen”... Đồng thời, sinh viên Hanu tiếp nhận những giá trị văn hóa ngoại lai phù hợp, đặc biệt là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, tư tưởng tôn trọng pháp luật trong văn hóa phương Tây. Quá trình tiếp biến văn hóa, lối sống và phong cách sống (theo nghĩa hẹp là lối tư duy, ứng xử, cách ăn mặc, đi lại, sinh hoạt...) của sinh viên Hanu có sự thay đổi mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực: tư duy cởi mở, năng động, sáng tạo; khả năng phản biện xã hội; tính dân chủ trong quan hệ thầy – trò, tính minh bạch trong học và thi; ứng xử liên quan đến giới và bình đẳng giới ngày càng tăng và trở thành nét văn hóa của sinh viên Hanu.

Tuy nhiên, thực tiễn mà chúng tôi quan sát cho thấy, quá trình tiếp biến văn hóa ấy cũng làm mai một đi một số nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Việt: truyền thống tôn sư trọng đạo, văn hóa cảm ơn, tri ân đến thầy cô giáo trong ngày lễ 20/11; lối ăn mặc tự do, không phù hợp với môi trường học đường của một bộ

phận sinh viên, môi trường mạng xã hội còn thể hiện sự “dân chủ quá trớn” với những phản biện thiếu khách quan. Để thay đổi thực trạng này, theo chúng tôi, cần kịp thời thực hiện một số giải pháp.

### **3. Giải pháp phát huy vai trò của sinh viên ngoại ngữ trong việc bảo vệ và nâng cao giá trị văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập**

Một là: Ở cấp độ quản lý giáo dục, chúng tôi chờ đợi Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành chính sách cụ thể trong một văn bản chính thức khẳng định vai trò, trách nhiệm xã hội của sinh viên, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ trong bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc. Kênh truyền thông của Hanu nói riêng và của các trường đào tạo sinh viên ngoại ngữ nói chung cần góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội cho sinh viên với thông điệp: Mỗi sinh viên là một đại sứ về văn hóa; là lực lượng chính trong *tiếp nhận, sáng tạo và truyền bá* văn hóa. Thường xuyên cập nhật thông tin, giới thiệu các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của Việt Nam như: Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); Quan họ (Bắc Ninh), Ca trù, Nhã nhạc cung đình Huế... Tuyên truyền về các ngày lễ lớn, những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Làm cho văn hóa dân tộc được bồi đắp và thấm vào mỗi sinh viên và trở thành động lực về tinh thần trong quá trình học tập, tu dưỡng để trở thành lực lượng lao động trong tương lai, đủ trình độ, kỹ năng nhưng cũng đủ tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hai là: Mỗi trường đại học có thể xây dựng một Bộ quy chuẩn về văn hóa học đường và chuẩn mực ứng xử của sinh viên

trên các phương diện: ứng xử với bản thân, bạn bè, thầy cô; các tổ chức và cá nhân trong nhà Trường; trách nhiệm xã hội trong việc bảo vệ, nâng cao và truyền bá các giá trị văn hóa của dân tộc; trách nhiệm trong bảo vệ tài sản, cảnh quan môi trường; trong giữ gìn an ninh trật tự; về an toàn giao thông; ứng xử trong nghiên cứu khoa học,...

Ba là: Thông qua các môn học cụ thể, đặc biệt các môn liên quan đến văn hóa học, mỗi giảng viên với bản lĩnh chính trị, phong văn hoá, định hướng cho sinh viên sàng lọc, tiếp nhận những yếu tố phù hợp, tiên tiến, trong quá trình tiếp biến văn hóa. Khi giảng dạy văn hóa của các nước khác, có thể so sánh với văn hóa Việt Nam để thấy được “cái hay”, “cái dở”; “cái được” và “cái mất”; “cái thoát khỏi” và “cái nhiệm phải” để làm giàu văn hóa dân tộc, đồng thời khắc chế tối đa yếu tố không phù hợp với những giá trị văn hóa mà chúng ta bảo tồn, xây dựng. Cụ thể: đối với các môn liên quan đến văn hóa Việt như: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Hà Nội học... giảng viên cần kết hợp hình thức học trên lớp với học thông qua các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa dân tộc, học thông qua các hoạt động trực quan sinh động như: tổ chức cho sinh viên đi Bảo tàng dân tộc học, di tích Hoàng thành Thăng Long; Quốc Tử Giám... để mỗi sinh viên cảm được, hiểu được sự quan trọng của những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong quá trình phát triển. Từ đó, tích cực góp phần gìn giữ và quảng bá những giá trị tốt đẹp đó đến bạn bè quốc tế. Đối với các môn chuyên ngành học bằng ngoại ngữ như: Quản trị nhân sự (Human resource management); Giao tiếp trong kinh doanh (Business Communication); Hành vi khách hàng (Customer



Behavior)... Trong các tình huống môn học cụ thể, giảng viên cần so sánh hành vi ứng xử trong kinh doanh giữa văn hóa Việt với văn hóa các nước để thấy những điểm nổi bật của văn hóa mỗi nước; chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của văn hóa Việt tác động đến các hoạt động kinh tế khi tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế. Từ đó, giúp mỗi sinh viên Hanu thực sự là một “hiện thân” của văn hóa dân tộc và lan tỏa các giá trị đến bạn bè quốc tế.

### 3. Kết luận

Để giữ thế chủ động trong quá trình hội nhập, tránh nguy cơ bị “xâm lăng” về văn hóa, đất nước ta cần có chiến lược hội nhập văn hóa phù hợp nhằm: Phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; xác lập được hệ giá trị dân tộc trong hệ giá trị văn hóa nhân loại; Làm cho văn hóa ngày càng xâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra những giá trị vật chất mới; Tạo ra sức mạnh tổng hợp, bảo đảm an ninh chính trị và phát triển bền vững cho quốc gia trong quá trình hội nhập; Phát triển văn hóa gắn liền với phát triển con người vì con người là chủ thể của quá trình tiếp nhận, sáng tạo, giữ gìn, phát huy, truyền bá và hưởng thụ các giá trị văn hóa. Trong quá trình hội nhập, thanh niên, sinh viên luôn được Đảng và Nhà nước ta coi là lực lượng chủ chốt và nòng cốt trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sinh viên chuyên ngành ngoại ngữ nói chung, sinh viên Hanu nói riêng, có

trách nhiệm to lớn trong bảo vệ và nâng cao các giá trị văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập. Những giải pháp mà chúng tôi đề xuất có thể giúp họ hoàn thành sứ mạng này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu Tiến (2003), *Góp phần nhận thức thế giới đương đại*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, tr 373-374.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, tr. 126.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25-7-2008 BCHTW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ mới.
5. Hồ Chí Minh (1995), Toàn tập. Tập 3, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, tr. 492.
6. Phùng Hữu Phú (2016), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
7. Tạ Ngọc Tấn (2014), *Phát triển văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, một số kinh nghiệm của các nước trên thế giới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận chính trị.
8. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, tr.10.
9. UNESCO (1992), *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*. Hà Nội: Bộ Văn hóa Thông tin.
10. <http://www.hanu.vn>